TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63A/2023/DS-ST
Ngày 21- 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thanh P – Chủ hộ kinh doanh K. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn ông Lê Hoàng L trình bày:

Giữa bà P và ông N, bà K là chỗ quen biết nên bà P có đầu tư cho ông N, bà K mua nợ tiền thức ăn nuôi tôm của nhà bà, hiện nay ông N, bà K đã nợ bà với số tiền 557.501.000 đồng, số nợ được thể hiện cụ thể như sau:

Ngày 20/4/2018 âm lịch nhằm ngày 03/6/2018 dương lịch ông N, bà K nợ 174.239.000 đồng.

Ngày 29/01/2019 âm lịch nhằm ngày 05/3/2019 dương lịch ông N, bà K nợ 16.219.000 đồng.

Ngày 27/4/2019 âm lịch nhằm ngày 31/5/2019 dương lịch ông N, bà K nợ 84.009.000 đồng và tiền trải bạc 50.190.000 đồng.

Ngày 28/12/2019 âm lịch nhằm ngày 22/01/2020 dương lịch ông N, bà K nợ 81.479.000 đồng.

Ngày 13/3/2020 âm lịch nhằm ngày 05/4/2020 dương lịch ông N, bà K nợ 49.449.000 đồng.

Ngày 10/12/2020 âm lịch nhằm ngày 22/01/2021 dương lịch ông N, bà K nợ 101.928.000 đồng.

Tổng các khoản nợ trên là 557.501.000 đồng. Bà P đã yêu cầu ông N, bà K trả tiền nhưng ông N, bà K nhiều lần hứa hẹn không có thiện chí trả nợ. Nay bà P yêu cầu ông N, bà K trả số tiền nêu trên cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thống nhất với nguyên đơn về việc hai bên có giao dịch hợp đồng mua bán, quá trình mua bán, ông thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn là 557.501.000 đồng và đồng ý cùng vợ là bà K trả nợ, tuy nhiên do điều kiện ông yêu cầu có bao nhiêu ông trả bấy nhiêu cho đến khi hết nợ.

Đối với bà K, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, xác định bà Đoàn Thanh P có đăng ký kinh doanh nên Hội đồng xét xử xác định lại nguyên đơn trong vụ án là bà Đoàn Thanh P – Chủ hộ kinh doanh K theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu trả số tiền 557.501.000 đồng của nguyên đơn, thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nội dung của văn bản ngày 10/12/2020 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 557.501.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông N thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên, đối với bà K, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện

không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

Đối với ý kiến của ông N về việc do điều kiện nên ông yêu cầu có bao nhiêu trả bấy nhiêu cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý, xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ nêu trên là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn được miễn do thuộc đối tượng là hộ cận nghèo.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 68, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh P – Chủ hộ kinh doanh K. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị K liên đới trả cho bà Đoàn Thanh P số tiền 557.501.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thanh P – Chủ hộ kinh doanh K không phải chịu, hoàn trả lại cho bà Đoàn Thanh P – Chủ hộ kinh doanh K 13.150.000 đồng (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013781 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị K được miễn do thuộc đối tượng là hộ cận nghèo.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm